

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 – 35

CC
T
KIẾ
:PA
CH
M
PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2022
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm từ ngày 09/04/2022

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên ban kiểm
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên ban kiểm

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (*Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu*). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



DUƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 1507/2020/CRC-

GUQ ngày 10/07/2020 của CT.HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 31/03/2023 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Hà Nội ngày 31 tháng 03 năm 2023

Trang

Nguyễn Quỳnh Trang
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

			31/12/2022	01/01/2022
	MS	TM	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.566.183.275	175.782.346.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.364.375.283	30.065.156.299
1. Tiền	111		9.364.375.283	10.065.156.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.914.188.945	58.518.366.624
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.413.393.056	1.293.751.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	77.600.352.752	44.414.493.158
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.10	48.721.987.089	12.810.122.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(821.543.952)	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.694.101.577	83.884.787.453
1. Hàng tồn kho	141	5.7	48.694.101.577	83.884.787.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.593.517.470	3.314.035.837
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	17.913.023	22.019.928
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.575.604.447	3.292.015.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.113.707.551	272.633.946.011
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.434.738.509	14.923.148.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	24.434.738.509	14.923.148.666
- Nguyên giá	222		28.378.691.185	16.384.461.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.943.952.676)	(1.461.312.505)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.791.423.269	11.199.648.049
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	25.791.423.269	11.199.648.049
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	212.740.000.000	246.462.086.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		205.950.000.000	205.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	33.722.086.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		147.545.773	49.063.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	147.545.773	49.063.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		490.679.890.826	448.416.292.224

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.563.987.851	115.355.141.213
I. Nợ ngắn hạn	310		136.685.660.959	114.591.906.254
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	3.275.695.070	5.090.667.288
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.307.392.640	23.393.166.877
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.444.680.556	1.211.872.602
4. Phải trả người lao động	314		-	168.906.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	147.992.168	70.034.295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	506.450.500	817.219.709
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	130.003.450.025	83.840.038.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		878.326.892	763.234.959
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	878.326.892	763.234.959
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.115.902.975	333.061.151.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	353.115.902.975	333.061.151.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.470.298.050	22.415.546.086
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.337.546.086	11.236.619.810
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.132.751.964	11.178.926.276
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		490.679.890.826	448.416.292.224

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Tổng Giám đốc



DUYÊN THỊ HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	356.606.582.033	341.954.459.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		356.606.582.033	341.954.459.937
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	347.019.566.929	334.108.200.825
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.587.015.104	7.846.259.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	20.310.461.044	11.359.080.227
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.770.261.741	2.114.304.444
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.520.497.358	2.349.861.957
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.382.364.850	1.798.638.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.069.317.011	3.656.612.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.675.532.546	11.635.783.421
11. Thu nhập khác	31	6.6	575.690.209	332.140.739
12. Chi phí khác	32	6.6	928.742.459	34.662.782
13. Lợi nhuận khác	40		(353.052.250)	297.477.957
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.322.480.296	11.933.261.378
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.189.728.332	754.335.102
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.132.751.964	11.178.926.276

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THÚY NGA



VŨ THỊ THỦY



DUƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2022

	MS	TM	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.322.480.296	11.933.261.378
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.482.640.171	1.120.881.655
- Các khoản dự phòng	03		821.543.952	(245.626.755)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.672.907)	(16.945.321)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.247.328.377)	(11.023.072.996)
- Chi phí lãi vay	06		2.520.497.358	2.349.861.957
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		6.855.160.493	4.118.359.918
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(86.257.429.953)	58.950.160.602
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.998.796.279	118.193.007.190
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(24.680.507.709)	(306.535.102.871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(94.375.572)	(54.496.860)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.465.039.485)	(2.326.433.237)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(754.335.102)	(1.422.561.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.100.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.397.731.049)	(129.075.966.387)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(26.352.115.637)	(26.172.531.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	363.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(81.633.036.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	162.633.036.300
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(154.414.820.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.2	10.775.000.000	17.922.086.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.093.843.894	3.128.378.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.516.728.257	(78.173.250.303)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	149.998.900.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	368.724.032.767	355.550.332.492
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(322.569.470.802)	(295.628.781.744)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.104.549.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.154.561.965	202.815.901.248
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(7.726.440.827)	(4.433.315.442)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.065.156.299	34.500.233.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.659.811	(1.762.139)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.364.375.283	30.065.156.299

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

DUƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 22 người (Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 27 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn, gạch...), Cho thuê nhà.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC; Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con (tổng cộng 14 công ty con), cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty con				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98%	98%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95%	95%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95%	95%
7. Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đông	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96%	96%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả, nợ phải thu: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả, nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Số năm
Máy móc thiết bị	06 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2022 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng nhà máy pin Yên Bái, Dự án Khu đô thị CRC và Chi phí mua xe Vinfast.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn là giá trị các công cụ dụng cụ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 đến 36 tháng

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận Vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay và chi phí thuê kho phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2022, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác (Tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu, cổ tức được phân phối, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức được phân phối được ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của công ty con. Lãi thanh lý các khoản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

IN-C
CI
KI
CPA
CI
N
PHC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	3.713.802.424	900.265.339
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.650.572.859	9.164.890.960
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	13.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	22.364.375.283	30.065.156.299

(i): Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 5,1%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000

Trong đó:

(i): Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(ii): Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(iii): Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày 31/12/2022 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng). Chi tiết tại thuyết minh số 5.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn giữ năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			205.950.000.000	-	205.950.000.000	-
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	99,98%	99,98%	205.950.000.000	-	205.950.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			-	-	33.722.086.000	-
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (ii)	-	-	-	-	15.722.086.000	-
Công ty TNHH Trường Sơn (iii)	-	-	-	-	18.000.000.000	-
Tổng			205.950.000.000	-	239.672.086.000	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Năm nay

Trong năm 2022 đơn vị có lãi

+ Công ty cổ phần Công nghệ CRC

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc theo Nghị quyết số 12/10/2022/NQ-HDQT ngày 12/10/2022 của Hội đồng quản trị.

(iii): Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty TNHH Trường Sơn theo Nghị quyết số 29/11/2022/NQ-HDQT ngày 29/11/2022 và Nghị quyết số 01/12/2022/NQ-HDQT ngày 1/12/2022 của Hội đồng quản trị.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 8.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần công nghệ EMP	11.785.967.459	-
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	6.195.845.970	-
Công ty cổ phần VLXD Yên Bái	5.016.001.100	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	793.630.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	298.296.900
Các đối tượng khác	3.415.578.527	201.824.145
Tổng	26.413.393.056	1.293.751.045
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	649.960.200	-

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	3.654.432.000	3.654.432.000
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	11.385.339.707	11.729.771.406
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	8.381.644.880	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	34.597.117.977	17.620.720.581
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	1.679.739.402	7.646.627.390
Công ty cổ phần XNK Caruvina	14.250.000.000	-
Các đối tượng khác	3.652.078.786	3.762.941.781
Tổng	77.600.352.752	44.414.493.158
Trong đó:		
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan	8.900.187.879	-

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	17.913.023	22.019.928
- Chi phí bảo hiểm	12.413.484	4.674.242
- Công cụ dụng cụ	5.499.539	10.345.686
- Chi phí trả trước khác	-	7.000.000
Dài hạn	147.545.773	49.063.296
- Công cụ dụng cụ	147.545.773	49.063.296
Tổng	165.458.796	71.083.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

5.6 Nợ xấu	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BELTAMOZHILIYA LTD	118.571.650	59.285.825	118.571.650	-
JA Solar International Limited	1.088.940.182	326.682.055	1.607.483.181	-
Tổng	1.207.511.832	385.967.880	1.726.054.831	-

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (i)	-	-	4.868.263	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	14.752.376.005	-
+ Dự án Solar Cell	-	-	13.303.304.304	-
+ Dự án nhà xưởng Bảo Lộc	-	-	1.240.165.584	-
+ Dự án khác	-	-	208.906.117	-
Thành phẩm (i)	4.954.988.000	-	-	-
Hàng hoá (i)	43.739.113.577	-	69.127.543.185	-
Tổng	48.694.101.577	-	83.884.787.453	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2022	01/01/2022
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	-	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đăng	Cao su thành phẩm	-	19.691.084.700
Công ty cổ phần Sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	26.134.247.568	29.612.183.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	10.032.867.546	9.830.765.007

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.791.423.269	11.199.648.049
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	24.690.423.269	-
- Dự án Khu đô thị CRC	140.000.000	-
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	-	11.199.648.049
- Xe ô tô Vinfast	961.000.000	-
Tổng	25.791.423.269	11.199.648.049

- 0
 CÔ T
 KIẾ
 A V
 CHI
 MIẾ
 S.H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2022	13.987.639.898	2.396.821.273	-	16.384.461.171
Mua trong năm	-	627.612.727	61.593.636	689.206.363
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.305.023.651	-	-	11.305.023.651
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	25.292.663.549	3.024.434.000	61.593.636	28.378.691.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2022	776.867.338	684.445.167	-	1.461.312.505
Khấu hao trong năm	1.967.155.456	505.715.830	9.768.885	2.482.640.171
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	2.744.022.794	1.190.160.997	9.768.885	3.943.952.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	13.210.772.560	1.712.376.106	-	14.923.148.666
Tại ngày 31/12/2022	22.548.640.755	1.834.273.003	51.824.751	24.434.738.509

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 1.417.450.000 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.399.469.031 đồng).

5.10 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tạm ứng	5.101.557.572	-
- Ông Nguyễn Quang Huy (i)	5.101.557.572	-
Phải thu khác	43.620.429.517	12.810.122.421
- Ông Trần Ngọc Khánh	-	4.425.000.000
- Ông Nguyễn Tiến Độ (ii)	14.473.000.000	-
- Ông Đào Văn Huỳnh (ii)	7.983.750.000	-
- Ông Nguyễn Khắc Lưu (ii)	6.116.250.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	197.485.808	187.112.712
- Cổ tức được phân phối	14.849.943.709	8.198.009.709
Tổng	48.721.987.089	12.810.122.421

Trong đó:

Phải thu khác là bên có liên quan 14.849.943.709 8.198.009.709

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

(i): Khoản tạm ứng tiền san lấp nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.

(ii): Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần, khoản tiền này đã được thu hồi vào tháng 1-3 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast	1.017.100.000	1.017.100.000	-	-
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Aairsun VN	1.981.214.056	1.981.214.056	2.681.214.056	2.681.214.056
Công ty TNHH BG Solar	-	-	948.494.989	948.494.989
Các đối tượng khác	277.381.014	277.381.014	1.460.958.243	1.460.958.243
Tổng	3.275.695.070	3.275.695.070	5.090.667.288	5.090.667.288
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên có liên quan		21.818.181		-
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1				

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.307.392.640	23.393.166.877
Công ty TNHH Công nghệ năng lượng ET	1.164.500.000	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	4.112.366.688
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	-	639.010.000
Công ty TNHH MTV Việt Quang	-	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	-	5.763.399.040
Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm	-	7.600.000.000
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	-	322.961.260
Các đối tượng khác	142.892.640	4.955.429.889
Tổng	1.307.392.640	23.393.166.877
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan	-	7.936.968.300
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.335.102	1.189.728.332	754.335.102	1.189.728.332
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	-	369.150.500	88.387.000
Thuế BV MT và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	191.400.188	24.834.964	166.565.224
Phải thu	-	-	-	-
Tổng	1.211.872.602	1.384.128.520	1.151.320.566	1.444.680.556

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	99.992.168	44.534.295
Chi phí trích trước khác	48.000.000	25.500.000
Tổng	147.992.168	70.034.295

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.000.000	33.000.000
Phải trả, phải nộp khác	473.450.500	784.219.709
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>395.450.500</i>	<i>395.450.500</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>78.000.000</i>	<i>388.769.209</i>
Tổng	506.450.500	817.219.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay				
Vay ngắn hạn	129.838.267.037	129.838.267.037	368.335.974.046	322.128.499.815
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	56.769.183.542	56.769.183.542	181.069.137.714	173.561.206.448
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	63.879.083.495	63.879.083.495	136.707.229.757	107.197.686.792
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	9.190.000.000	9.190.000.000	27.609.606.575	18.419.606.575
+ Vay cá nhân {4}	-	-	22.950.000.000	22.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	165.182.988	165.182.988	396.908.067	440.970.987
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	205.333.324	249.333.328
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	165.182.988	165.182.988	191.574.743	191.637.659
Cộng vay ngắn hạn	130.003.450.025	130.003.450.025	368.732.882.113	322.569.470.802
Vay dài hạn	878.326.892	878.326.892	512.000.000	396.908.067
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	-	205.333.324
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	878.326.892	878.326.892	512.000.000	191.574.743
Tổng	130.881.776.917	130.881.776.917	369.244.882.113	322.966.378.869

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

{1} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng TDHM số 01/2022/8353501/HĐTD ngày 21/06/2022; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,8%-9,2%/năm với khoản vay bằng VND và 4,8%-5,6%/năm với khoản vay bằng USD.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	150.000.000.000	-	10.645.604.925	18.803.209.076	179.448.814.001
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.178.926.276	11.178.926.276
Tăng khác	-	16.945.321	-	-	16.945.321
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(66.589.266)	(66.589.266)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(16.945.321)	-	-	(16.945.321)
Số dư tại 01/01/2022	300.000.000.000	-	10.645.604.925	22.415.546.086	333.061.151.011
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.132.751.964	20.132.751.964
Tăng khác	-	44.672.907	-	-	44.672.907
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(44.672.907)	-	-	(44.672.907)
Số dư tại 31/12/2022	300.000.000.000	-	10.645.604.925	42.470.298.050	353.115.902.975

(*): Trong năm, Công ty trích thù lao trả HĐQT và BKS với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022. Phần chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 18.000.000.000 đồng tương đương 6% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
Các cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	300.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.500.000.000

Cổ tức**Đồng/cổ phiếu**

Cổ tức công bố:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)

600 đồng/cổ phiếu

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 thông qua mức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần. Kế hoạch chi trả cổ tức để tăng vốn được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.18 Các khoản mục ngoại bảng**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	77.731,52	95.167,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	355.354.655.759	126.543.161.043
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.251.926.274	867.816.164
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	214.543.482.730
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng	356.606.582.033	341.954.459.937

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan	41.729.276.006	29.876.407.254
--	-----------------------	-----------------------

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	345.618.348.392	122.388.302.348
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.401.218.537	702.433.799
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	211.017.464.678
Tổng	347.019.566.929	334.108.200.825

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	510.914.377	2.492.955.696
Cổ tức được chia	18.535.500.000	8.198.009.709
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.459.760	651.169.501
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.672.907	16.945.321
Lãi thanh lý khoản đầu tư	1.200.914.000	-
Tổng	20.310.461.044	11.359.080.227

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	2.520.497.358	2.349.861.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.764.383	10.069.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(245.626.755)
Tổng	2.770.261.741	2.114.304.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)****6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.382.364.850	1.798.638.947
Tổng cộng	1.382.364.850	1.798.638.947
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.751.276.744	886.991.940
Chi phí công cụ quản lý	153.768.566	46.897.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	515.484.715	443.629.676
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.259.431
Chi phí dự phòng	821.543.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	655.494.625	2.271.576.476
Chi phí khác bằng tiền	168.748.409	4.257.576
Tổng	4.069.317.011	3.656.612.527

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	332.107.591
Công nợ không phải trả	359.632.329	-
Các khoản khác	216.057.880	33.148
Tổng	575.690.209	332.140.739
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao	583.073.284	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	323.388.961	34.518.097
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	143.603
Chi phí khác	22.280.214	1.082
Tổng	928.742.459	34.662.782
Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)	(353.052.250)	297.477.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.576.846.331	106.134.707.587
Chi phí nhân công	1.801.276.744	886.991.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.884.885.067	1.120.881.655
Chi phí dự phòng	821.543.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.159.677.660	20.298.294.965
Chi phí khác bằng tiền	171.748.409	7.517.007
Tổng	28.415.978.163	128.448.393.154

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.322.480.296	11.933.261.378
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	(16.782.064.739)	(8.161.585.870)
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.753.435.261</i>	<i>36.423.839</i>
Phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế	323.388.961	-
Chi phí khấu hao	583.073.284	-
Dự phòng phải thu	821.543.952	-
Chi phí khác	25.429.064	36.423.839
Các khoản điều chỉnh giảm	18.535.500.000	8.198.009.709
Cổ tức được chia	18.535.500.000	8.198.009.709
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước	4.540.415.557	3.771.675.508
Thu nhập tính thuế TNDN	4.540.415.557	3.771.675.508
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	908.083.111	754.335.102
Thuế TNDN bổ sung theo Quyết định của cơ quan thuế	281.645.221	-
Tổng	1.189.728.332	754.335.102

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****7.1 Thanh lý công ty con trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng giá trị thanh lý	-	15.722.086.000
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	-	15.722.086.000

7.2 Các giao dịch phi tiền tệ khác

+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	123.941.279	34.937.215
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	19.972.710
+ Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thu	-	4.425.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Công nghệ CRC và các công ty con	Công ty con
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết đến ngày 01/12/2022
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc từ ngày 09/03/2022
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 13/12/2022
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác, và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và phụ cấp	527.947.419	147.029.431
<i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	252.000.000	-
<i>Thù lao Ban Kiểm soát</i>	94.186.182	78.916.415
<i>Tiền lương và phụ cấp của Ban Giám đốc</i>	181.761.237	68.113.016
Tổng cộng	527.947.419	147.029.431

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị		252.000.000	-
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	76.000.000	-
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Ban Kiểm soát		94.186.182	78.916.415
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng Ban kiểm soát	75.596.916	78.916.415
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên Ban kiểm soát	10.392.844	-
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban kiểm soát	8.196.422	-
Ban Tổng Giám đốc		181.761.237	68.113.016
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	181.761.237	68.113.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	15.714.780.000	10.336.717.000
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến ngày 13/12/2022 BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Mua hàng hóa	192.071.600	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	13/12/2022	Mua hàng hóa	13.796.000.000	-
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con	Thuê kho	21.818.181	-
Tổng			29.724.669.781	10.336.717.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con	Doanh thu xây lắp	-	5.114.545.455
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	Có cùng CT HĐQT đến ngày 23/12/2021	Doanh thu xây lắp		24.755.735.254
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	601.815.000	-
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến ngày 13/12/2022	Bán hàng hóa	16.902.617.855	-
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022	Bán hàng hóa	1.901.460.000	-
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của TGD từ ngày 09/03/2022	Bán hàng hóa	2.594.442.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	Bán hàng hóa	13.739.222.000	6.126.545
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 13/12/2022	Bán hàng hóa	5.989.719.151	-
Tổng			41.729.276.006	29.876.407.254
Ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tất toán ủy thác	-	14.400.000.000
		Lãi tiền gửi	-	66.954.585
		Thu lãi tiền gửi	-	118.153.358
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	-	1.000.000.000
		Tất toán tiền gửi	-	12.250.000.000
		Lãi tiền gửi	-	147.205.479
		Thu lãi tiền gửi	-	188.049.315
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con	Nhận ủy thác	-	5.000.000.000
		Tất toán ủy thác	-	5.000.000.000
		Lãi tiền gửi	-	79.910.441
		Thu lãi tiền gửi	-	79.910.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	Vay Hoàn trả tiền vay	19.500.000.000 19.500.000.000	- -
Phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022	Chi tiền cho mượn Thu tiền cho mượn	-	300.000.000 1.464.974.782
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	Chi tiền cho mượn Thu tiền cho mượn Cổ tức phân phối Thu hộ Trả hộ	- - 18.535.500.000 - -	292.000.000 292.000.000 8.198.009.709 1.755.000.000 4.605.000.000
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con	Chi tiền cho mượn Thu tiền cho mượn	- -	63.000.000 63.000.000
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con	Chi tiền cho mượn Thu tiền cho mượn	- -	60.000.000 60.000.000
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Có cùng chủ tịch HĐQT	Mượn tiền Trả lại tiền	- -	199.967.000 199.967.000

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải thu khách hàng			
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con	649.960.200	-
Người mua trả tiền trước			
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 13/12/2022	-	7.936.968.300
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022	-	1.850.608.000
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con	-	322.961.260
Phải trả người bán			
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con	21.818.181	-
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022	8.381.644.880	-
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	518.542.999	-
Phải thu khác			
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Công ty con	14.849.943.709	8.198.009.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Tổng Giám đốc



DUYANG THỊ HUYỀN